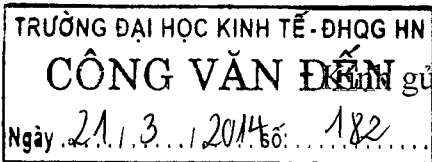


Số: 832 /ĐHQGHN-KHCN

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2015

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2013



gửi: Các đơn vị nghiên cứu thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

Căn cứ công văn số 168/BKHCN-KHTC ngày 17/01/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2015 và kế hoạch nhiệm vụ năm học, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) hướng dẫn các đơn vị đánh giá tình hình thực hiện và kế hoạch KH&CN năm 2015 (bao gồm phần mô tả, đánh giá và các bảng biểu trong phần phụ lục).

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2014

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2014 xây dựng báo cáo đánh giá. Cụ thể theo các nội dung sau:

1.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

a. Đánh giá chỉ tiêu kế hoạch thông qua một số chỉ số: số lượng công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số sách chuyên khảo; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp,... đã được cấp văn bằng bảo hộ; doanh thu từ các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản sở hữu trí tuệ mang lại.

b. Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động KH&CN và đề tài cấp cơ sở, đề tài nhóm A/B (kinh phí được cấp, các hoạt động đã tổ chức, sản phẩm KH&CN của các nhóm đề tài).

c. Kết quả tham gia thực hiện các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước (KC, KX), nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp nhà nước, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, nhiệm vụ bảo tồn và khai thác quỹ gien và các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước khác (mô tả các kết quả nổi bật, các chỉ số về số lượng các sản phẩm KH&CN).

d. Kết quả tham gia thực hiện chương trình, dự án hợp tác với các bộ/ngành, doanh nghiệp, địa phương.

e. Kết quả thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế.

f. Kết quả thực hiện dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ.



g. Kết quả thực hiện và quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án tăng cường năng lực, xây dựng cơ sở vật chất phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo. Báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ dự toán, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới.

h. Đánh giá công tác phát triển nguồn nhân lực KH&CN, xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh, NCKH phục vụ đào tạo sau đại học.

i. Đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ trẻ và sinh viên;

k. Các giải thưởng về KH&CN.

l. Đánh giá chung: Các kết quả nổi bật (từ các hoạt động KH&CN có giá trị khoa học và thực tiễn). Những tồn tại và đề xuất các giải pháp khắc phục. Đặc biệt đánh giá những kết quả nổi bật từ hoạt động KH&CN của đơn vị giai đoạn 2011 đến nay và dự kiến khả năng hoàn thành kế hoạch KH&CN giai đoạn 2011-2015.

Đối với Phòng Thí nghiệm trọng điểm công nghệ Enzym và Protein cần đánh giá việc thực hiện các quy định về: tổ chức và hoạt động của PTN trọng điểm, hoạt động của Hội đồng chuyên ngành, đánh giá PTN và quản lý tài chính đối với hoạt động của PTN trọng điểm; sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu của PTN trọng điểm; những tồn tại, vướng mắc cần khắc phục. Đồng thời cần đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước giao cho PTN trọng điểm thực hiện.

1.2. Đánh giá hiện trạng của đơn vị thông qua bộ tiêu chí đại học nghiên cứu (Hướng dẫn số 1206/HD-ĐBCLGD ngày 23/4/2013 của ĐHQGHN). Đánh giá điểm của đơn vị theo biểu TK14.10 trong Phụ lục được gửi kèm.

1.3. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2014.

2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015

2.1. Kế hoạch, nhiệm vụ KH&CN năm 2014

a. Kế hoạch nhiệm vụ KH&CN năm 2015 (phù hợp với kế hoạch năm học 2014-2015) của đơn vị, bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu;
- Nhiệm vụ KH&CN chính và sản phẩm KH&CN tiêu biểu của năm;
- Chỉ tiêu, kế hoạch nhiệm vụ (công trình khoa học trong nước, quốc tế; sách chuyên khảo; phát minh sáng chế; quyền tác giả; số lượng đề tài các cấp; nhóm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế);
- Nhiệm vụ xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu và thông tin khoa học trên công thông tin điện tử, phát triển tài nguyên số, số lượng thư tịch khoa học (trên

website và cổng thông tin đơn vị) tìm được thông qua lệnh tìm kiếm filetype:pdf site:ulis.vnu.edu.vn trên Google và Google Scholar;

- Chuyển đổi cơ cấu Bộ môn, Khoa thành phòng thí nghiệm, Viện nghiên cứu phù hợp với định hướng đại học nghiên cứu;

- Phát triển các doanh nghiệp KH&CN;

- Kế hoạch xây dựng và vận hành các nhóm nghiên cứu mạnh dựa trên các dự án đầu tư chiều sâu đã triển khai;

- Chuyển đổi cơ chế hoạt động của đơn vị nghiên cứu theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP;

- Các chỉ tiêu, kế hoạch mô tả đầy đủ theo bộ tiêu chí đại học nghiên cứu, trong đó có các giải pháp và chỉ tiêu đột phá, các chỉ tiêu khác cần được gia tăng ít nhất 15% so với năm trước.

b. Các hoạt động KH&CN khác

Đơn vị xây dựng và đăng ký rõ chỉ tiêu kế hoạch KH&CN thực hiện trong năm 2015 để làm căn cứ xây dựng và đưa vào kế hoạch KH&CN năm 2015 các nhiệm vụ tham gia thực hiện:

- Đề tài cơ sở;

- Hội nghị, hội thảo; hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên: kèm theo đề án cụ thể, thời gian dự kiến, kinh phí và nguồn kinh phí, đại biểu;

- Công tác thông tin và thống kê KH&CN;

- Xác lập, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học; hỗ trợ tạo lập, khai thác, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương;

- Tham gia chợ thiết bị và công nghệ (TechmartT); sản giao dịch công nghệ;

- Hình thành, phát triển doanh nghiệp KH&CN;

- Các hoạt động KH&CN không thường xuyên, phát sinh hoặc những nhiệm vụ do cấp trên giao cần xây dựng thuyết minh chi tiết.

DHQGHN sẽ căn cứ vào kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch KH&CN năm 2013-2014 và đăng ký chỉ tiêu kế hoạch KH&CN năm 2015 để phân bổ kinh phí hoạt động KH&CN cho đơn vị.

2.2. Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

- Đề xuất nhiệm vụ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (KC, KX); nhiệm vụ thuộc các chương trình/đề án quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; nhiệm vụ thuộc các chương trình/ đề án KH&CN cấp Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ, ngành trực tiếp quản lý. Danh mục các chương trình tại Phụ lục được gửi kèm theo;

- Căn cứ mục tiêu phát triển ngành, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao cho các Bộ, ngành,

địa phương, đồng thời căn cứ vào phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2011-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25/7/2012, đơn vị đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đề nghị Nhà nước đặt hàng ĐHQGHN thực hiện;

- Đề xuất nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo Nghị định thư giữa Chính phủ Việt Nam và một số nước; nhiệm vụ KH&CN về quỹ gen;

Mẫu đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và các bảng tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ theo Phụ lục được gửi kèm theo.

Đơn vị thẩm định, xem xét, lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và gửi về ĐHQGHN trước ngày 10/4/2014.

2.3. Nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN

Căn cứ định hướng nghiên cứu năm 2015 của các hội đồng ngành/liên ngành và các Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN được gửi kèm theo, đơn vị đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN năm 2015.

Mẫu đề xuất nhiệm vụ và các bảng tổng hợp danh mục đề xuất theo Phụ lục được gửi kèm theo.

Đơn vị thẩm định, xem xét, lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ và gửi về ĐHQGHN trước ngày 15/4/2014.

2.4. Các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp:

- Đơn vị cần rà soát đánh giá hiệu quả thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp trong những năm trước đây để khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục đầu tư hoặc xây dựng mới các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu.

- Căn cứ để xây dựng dự án tăng cường năng lực là nhu cầu nâng cấp các phòng thí nghiệm, nhóm nghiên cứu mạnh hướng tới sản phẩm khoa học công nghệ tiên tiến; có ứng dụng cao; phục vụ nhiệm vụ chiến lược của ĐHQGHN.

- Tiêu chí để xét duyệt các dự án tăng cường năng lực là sản phẩm đầu ra.

Đơn vị gửi dự án tăng cường năng lực năm 2015 về ĐHQGHN qua Ban Khoa học Công nghệ trước ngày 15/4/2014.

2.5. Các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu – phát triển.

- Đơn vị rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản cho KH&CN và có giải pháp tiếp tục khai thác hiệu quả.

- Đơn vị có nhu cầu tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu – phát triển tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư phát triển cho KH&CN. Đề xuất dự án phải gắn với nhiệm vụ KH&CN được

giao cụ thể, hoặc chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt và phải được xem xét cụ thể với năng lực hiện có, đảm bảo dự án đi vào hoạt động hiệu quả.

Đơn vị gửi dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN năm 2014 về ĐHQGHN qua Ban Khoa học Công nghệ trước ngày 15/4/2014.

2.6. Đối với PTN trọng điểm công nghệ Enzym và Protein: dự toán chi tiết cho các nhiệm vụ KH&CN trong giai đoạn tiếp theo (chi thường xuyên; chi nguyên vật liệu tiêu hao; sửa chữa thiết bị; ...).

2.7. Tổ chức và tiến độ thực hiện

Để đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Nhà nước, ĐHQGHN đề nghị đơn vị xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2015 theo hướng dẫn của công văn này (bản cứng và bản mềm) nộp trước ngày 15/5/2014 (qua Ban Khoa học Công nghệ và địa chỉ email:khcn@vnu.edu.vn). Đối với các đơn vị không thực hiện hoặc nộp chậm so với tiến độ qui định, ĐHQGHN không có căn cứ để xét và bố trí kế hoạch kinh phí KH&CN cho hoạt động của đơn vị.

Đề nghị Thủ trưởng đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng theo những nội dung hướng dẫn trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Chủ tịch các Hội đồng ngành/liên ngành;
- Lưu: VT, KH&CN, P45.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 832/ĐHQGHN-KHCN ngày 10 tháng 3 năm 2013 của Giám đốc ĐHQGHN)

Đơn vị:.....

Biểu TK14.1

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA NĂM 2014

TT	Mã số/tên đề tài	Cơ quan chủ trì/ Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí	
				Tổng	2014
1					
2					
3					
...					

Đơn vị:.....

Biểu TK14.2

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN NĂM 2014

TT	Tên nhiệm vụ/Chủ nhiệm	Nước đối tác	Kinh phí		
			Từ đối tác	Từ NSNN	NSNN cấp năm 2014
1					
2					
3					
...					

Đơn vị:.....

Biểu TK14.3

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHCN
HỢP TÁC VỚI CÁC BỘ/NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2014**

TT	Tên nhiệm vụ/Chủ nhiệm	Đối tác	Kinh phí	
			Tổng	2014
1				
2				
3				
...				

Đơn vị:.....

Biểu TK14.4

**CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐƯỢC CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG
NĂM 2013 - 2014**

Stt	Tên sản phẩm	
	Kèm theo bằng sáng chế, chứng nhận sở hữu trí tuệ,...(nếu có)	
1		
2		
3		
4		
5		
...		

Đơn vị:.....

Biểu TK14.5

**THỐNG KÊ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC QUA CÁC ĐỀ TÀI/DỰ ÁN KHCN
NĂM 2014**

Bậc đào tạo	Số lượng
Số lượng Thạc sĩ	
Số lượng Tiến sĩ	

Đơn vị:.....

Biểu TK14.6

Bảng 1

THỐNG KÊ THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC BÀI BÁO QUỐC TẾ TRÊN CÁC TẠP CHÍ THUỘC HỆ THỐNG ISI HOẶC SCOPUS CÁC NĂM 2013 – 5/2014

Stt	Tên bài báo	Tác giả (liệt kê đầy đủ tác giả chính và các đồng tác giả)	Tên tác giả thuộc ĐHQGHN (bằng Tiếng Việt)	Tên tạp chí, Tập (năm xuất bản), trang và số chứng minh của bài báo (DOI)
I	Năm 2013			
1				
2				
...				
II	Đến tháng 5 /2014			
1				
2				
...				

** Liệt kê theo ngành, lĩnh vực và phù hợp với số liệu chiết xuất từ cơ sở dữ liệu cán bộ trên cổng thông tin điện tử*

Bảng 2

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC BÀI BÁO TRÊN CÁC TẠP CHÍ TRONG NƯỚC TRONG DANH MỤC CỦA HỘI ĐỒNG
CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC QUA CÁC NĂM 2013 VÀ 5/2014**

Stt	Tên bài báo	Tác giả (liệt kê đầy đủ tác giả chính và các đồng tác giả)	Tên tác giả thuộc ĐHQGHN (bằng Tiếng Việt)	Tên tạp chí (Tập, Năm xuất bản, trang, đường link đến website của tạp chí nếu có ...)
I	Năm 2013			
1				
2				
...				
II	Đến tháng 5/2014			
1				
2				
...				

** Liệt kê theo ngành, lĩnh vực và phù hợp với số liệu chiết xuất từ cơ sở dữ liệu cán bộ trên cổng thông tin điện tử*

Đơn vị:.....

Biểu TK14.7

THÔNG KẾ SÁCH ĐƯỢC XUẤT BẢN NĂM 2013 VÀ 2014

Stt	Tên Sách	Loại sách (Giáo trình*/ chuyên khảo)	Ngành/ chuyên ngành	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Ghi chú (Giải thưởng,...)
Năm 2013						
Năm 2014						

Ghi chú: (*) - Giáo trình được lấy thông tin từ các đề tài/dự án KHCN

Đơn vị:.....

Biểu TK14.8

THỐNG KÊ CÁC GIẢI THƯỞNG VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2013-2014

STT	Tên giải thưởng	Tên công trình	Tổ chức/cá nhân được tặng	Tóm tắt ý nghĩa khoa học của công trình
1			
2			
3				
....				

Đơn vị:.....

Biểu TK14.9

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2013 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

STT	Tên kết quả	Xuất xứ của kết quả (Cơ quan chủ trì, tên chủ nhiệm, tên nhiệm vụ KH&CN)	Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật chủ yếu	Hiệu quả kinh tế-xã hội	Ghi chú
1				
2				
3					
....					

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KH&CN NĂM 2013

VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

TT	Tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá	Chỉ số của đơn vị năm 2014	Trọng số (điểm)	Chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị năm 2015
Tiêu chuẩn 1. Thành tích nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức (500 điểm)				
1.1	Số bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế trung bình trên cán bộ khoa học hàng năm			
1.2	Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm gần đây			
1.3	Số lượng trích dẫn/bài báo khoa học trong 5 năm gần đây			
1.4	Sách chuyên khảo xuất bản mỗi năm			
1.5	Sản phẩm KH&CN tiêu biểu quốc gia, quốc tế của đơn vị mỗi năm			
1.6	Số lượng giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế của cán bộ và người học trong 5 năm gần đây			
1.7	Số lượng các nhà khoa học được mời đọc báo cáo mời tại các hội nghị khoa học quốc gia mỗi năm			
1.8	Số lượng các nhà khoa học được mời đọc báo cáo mời tại các hội nghị khoa học quốc tế mỗi năm			
1.9	Tỉ lệ kinh phí KH&CN và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động mỗi năm			
1.10	Tỉ lệ kinh phí dịch vụ KH&CN và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động KH&CN mỗi năm			
1.11	Phát minh, sáng chế được công nhận mỗi năm (tư vấn chính sách đối với dụng			

TT	Tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá	Chỉ số của đơn vị năm 2014	Trọng số (điểm)	Chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị năm 2015
	<i>KHXH)</i>			
1.12	Hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp, địa phương mỗi năm			
1.13	Chuyên giao tri thức mỗi năm			
1.14	Đánh giá của các học giả quốc tế năm gần nhất			
Tiêu chuẩn 2. Chất lượng đào tạo (400 điểm)				
2.1	Tỷ lệ giảng viên/người học			
2.2	Tỷ lệ cán bộ có học vị tiến sĩ trở lên trên tổng số cán bộ khoa học			
2.3	Tỷ lệ cán bộ có chức danh giáo sư, phó giáo sư			
2.4	Tỷ lệ học viên cao học, NCS/tổng số người học quy đổi			
2.5	Tỷ lệ NCS/tổng số người học quy đổi			
2.6	Tỷ lệ NCS tốt nghiệp/cử nhân tốt nghiệp chính qui mỗi năm			
2.7	Tỷ lệ nghiên cứu viên sau tiến sĩ (post-doc), kể cả số tiến sĩ đang làm việc theo chế độ hợp đồng lao động			
2.8	Mức độ hài lòng của người học			
2.9	Đánh giá của nhà tuyển dụng			
Tiêu chuẩn 3. Mức độ quốc tế hóa (50 điểm)				
3.1	Cán bộ khoa học nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu (ít nhất 1 học kỳ/năm)			
3.2	Số lượng người học nước ngoài			
3.3	Hợp tác nghiên cứu quốc tế có công bố chung trong vòng 3 năm gần đây			
Tiêu chuẩn 4. Cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo và NCKH (50 điểm)				
4.1	Đầu tư cho phòng thí nghiệm, phòng			

TT	Tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá	Chỉ số của đơn vị năm 2014	Trọng số (điểm)	Chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị năm 2015
	thực hành mỗi năm			
4.2	Đầu tư cơ sở học liệu và tài nguyên số mỗi năm			
4.3	Công nghệ thông tin			

*** Hướng dẫn đánh giá:**

- Đánh giá mức độ phù hợp của các tiêu chí

Điểm tổng cộng của các đơn vị được xác định từ điểm của các tiêu chuẩn, tiêu chí thành phần theo phương pháp tỷ lệ. Ví dụ: Tiêu chí A yêu cầu chỉ tiêu là x với điểm quy định *tối đa* là y (tức là, dù đạt vượt mức chỉ tiêu x , thì cũng chỉ được mức điểm y), nếu sản phẩm chỉ đạt x_1 ($x_1 < x$) thì số điểm thực tế y_1 của tiêu chí A sẽ là:

$$y_1 = \frac{x_1}{x}y.$$

- Đánh giá mức độ phù hợp chuẩn đại học nghiên cứu của đơn vị

Dựa trên kết quả tính điểm theo các tiêu chí, mức độ đạt chuẩn đại học nghiên cứu của đơn vị được chia thành các nhóm như sau:

Chưa đạt	Tổng điểm dưới 500 điểm hoặc đạt dưới 40% số điểm tiêu chuẩn 1.
Mức 1	Tổng điểm đạt 501 – 600 điểm (trong đó tiêu chuẩn 1 đạt ít nhất 50% số điểm của tiêu chuẩn này).
Mức 2	Tổng điểm đạt từ 601 – 700 điểm (trong đó tiêu chuẩn 1 đạt ít nhất 60% số điểm của tiêu chuẩn này).
Mức 3	Tổng điểm đạt từ 701- 800 điểm (trong đó tiêu chuẩn 1 đạt ít nhất 70% số điểm của tiêu chuẩn này).
Mức 4 (cao nhất)	Tổng điểm đạt trên 800 điểm (trong đó tiêu chuẩn 1 đạt ít nhất 80% số điểm của tiêu chuẩn này).

Đơn vị đạt tổng điểm của mức trên, nhưng điểm của tiêu chuẩn 1 đạt ở mức nào thì chỉ được xếp vào mức tương ứng đó.

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG VẤN ĐỀ, NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA
CÀN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT NĂM 2015**

1. Tên vấn đề, nhiệm vụ KH&CN:

2. Thuộc lĩnh vực/Chương trình:

3. Lý do đề xuất đặt hàng:

3.1. Tính cấp thiết đối với phát triển KH&CN, phát triển kinh tế-xã hội; triển vọng đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của ngành hoặc lĩnh vực nói chung và mục tiêu phát triển KH&CN nói riêng.

3.2. Nhu cầu phối hợp liên ngành, sự điều hòa phối hợp của cơ quan quản lý (Bộ KH&CN và Bộ/ngành chủ quản có liên quan).

3.3. Địa chỉ và phương án tổ chức triển khai áp dụng.

3.4. Năng lực của tổ chức và cá nhân.

4. Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế-xã hội khi áp dụng kết quả nghiên cứu:

5. Các cam kết:

- Tiếp nhận kết quả sau khi được thực hiện

- Nguồn lực để ứng dụng, triển khai kết quả nghiên cứu

....., ngày ...tháng ...năm 2014

Đơn vị đề xuất đặt hàng

(Họ, tên và chữ ký – đóng dấu)

Đơn vị:.....

Biểu KH15.2

**TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CÁC VẤN ĐỀ,
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA CẦN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT NĂM 2015**

TT	Tên vấn đề, nhiệm vụ	Thuộc lĩnh vực	Lý do	Dự kiến kết quả	Dự kiến ứng dụng kết quả

....., ngày ...tháng ...năm 2014

Đơn vị đề xuất đặt hàng

(Họ, tên và chữ ký – đóng dấu)

Đơn vị:.....

Biểu KH15.3

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HỢP TÁC NGHIÊN CỨU
THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ VỚI NƯỚC NGOÀI NĂM 2015**

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung chính hợp tác	Cơ quan		Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí		
			Trong nước	Tên đối tác nước ngoài		Tổng	KP từ phía đối tác	KP từ NSNN 2015
1								
2								
3								
...								

Đơn vị:.....

Biểu KH15.4

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
GIAO CHO BỘ/NGÀNH QUẢN LÝ NĂM 2015**

TT	Tên Chương trình/tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện		Kinh phí			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Kinh phí hỗ trợ từ NSNN		
						Tổng	Đã cấp đến hết 2014	
A	Chuyển tiếp sang 2015							
I	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
..	...							
	Tổng số							
B	Nhiệm vụ mới thực hiện từ 2015							Ghi rõ nhiệm vụ đã có quyết định phê duyệt/chưa có quyết định phê duyệt kinh phí
I	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
...	...							
	Tổng số							

Đơn vị:.....

Biểu KH15.5

TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN

TT	Tên dự án/công trình	Cơ sở pháp lý (Quyết định phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					<i>Khởi công</i>	<i>Hoàn thành</i>	Tổng vốn được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2014	Kế hoạch 2015
I	Dự án chuyển tiếp								
1									
...	...								
	Tổng								
II	Dự án mới								
1									
...	...								
	Tổng								

Đơn vị:.....

Biểu KH15.6

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP ĐHQGHN NĂM 2015

1. Tên nhiệm vụ:
2. Thuộc hội đồng ngành/liên ngành/chương trình:
3. Lý do đề xuất:
4. Mục tiêu:
5. Nội dung KH&CN chủ yếu cần giải quyết:
6. Nhu cầu kinh phí:
7. Kết quả và các dạng sản phẩm dự kiến
8. Dự kiến hiệu quả mang lại:
9. Địa chỉ liên hệ: (email; điện thoại)

....., ngày tháng năm 2014

Thủ trưởng đơn vị
(*ký tên, đóng dấu*)

Tổ chức/cá nhân đề xuất
(*Ký tên*)

Họ và tên

Họ và tên

Ghi chú: Phiếu đề xuất trình bày không quá 03 trang khổ A4 (Font chữ: Time New Roman, cỡ chữ 12, giãn dòng 1.15)

Đơn vị:.....

Biểu KH15.7

DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP ĐHQGHN NĂM 2015

TT	Tên nhiệm vụ	Lý do đề xuất	Mục tiêu	Nội dung nghiên cứu thực hiện chính	Kết quả dự kiến

....., ngày tháng năm 2014

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Biểu KH15.8

KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU NĂM 2015

TT	Đơn vị thực hiện	Tên dự án	Thời gian thực hiện (BD/KT)	Kinh phí	
				Tổng	2015
1					
2					
3					
...					

Đơn vị:.....

Biểu KH15.9

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA NHỎ NĂM 2015

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Đơn vị thực hiện	Thời gian khởi công/hoàn thành	Kinh phí năm 2015 (tr.đ)	Dự kiến hiệu quả đầu tư
1						
2						
3						
...						

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2015

TT	Nội dung	Kinh phí sự nghiệp khoa học		Ghi chú
		Tổng số	2015	
A	Chi cho hoạt động KH&CN			
I	Quỹ lương và bộ máy			
II	Chi nghiên cứu KH&CN			
II.1	<i>Nhiệm vụ cấp quốc gia</i>			
1	Chương trình KH&CN			
2	Chương trình KH&XH			
3	Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia			
4	Lưu giữ quỹ gen			
5	Nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư			
II.2	<i>Nhiệm vụ cấp Bộ</i>			
1	Chương trình, đề tài, chi thường xuyên			
2	Dự án SXT-TN			
3	...			
III	<i>Chi các hoạt động KH&CN khác</i>			
1	Thông tin, in ấn, xuất bản....			
2	Chi đoàn ra, đoàn vào			
3	Hội thảo			
4	...			
IV	<i>Chi tăng cường năng lực nghiên cứu</i>			
1	Tăng cường năng lực			
2	Sửa chữa nhỏ			
3	..			
	Tổng cộng			

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KH&CN
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2015
ĐÃ ĐƯỢC BỘ KH&CN PHÊ DUYỆT ***

Số TT	Mã số Chương trình	Số Quyết định / Tên Chương trình
1	KC.01/11-15	3053/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.
2	KC.02/11-15	3054/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới.
3	KC.03/11-15	3055/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí và tự động hoá
4	KC.04/11-15	3056/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học.
5	KC.05/11-15	3084/QĐ-BKHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng.
6	KC.06/11-15	3057/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm chủ lực.
7	KC.07/11-15	3058/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sau thu hoạch.
8	KC.08/11-15	3059/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
9	KC.09/11-15	3060/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển.
10	KC.10/11-15	3061/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.
11	KX.01/11-15	3085/QĐ-BKHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và quản lý kinh tế ở Việt Nam đến năm 2020.

12	KX.02/11-15	3086/QĐ-BKHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu khoa học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020.
13	KX.03/11-15	3087/QĐ-BKHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu khoa học phát triển văn hoá, con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
14	KX.06/11-15	3272/QĐ-BKHCN ngày 24/10/2011: Nghiên cứu và phát triển hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

* Mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của các Chương trình được đăng tải trên website: <http://www.most.gov.vn>

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH / ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN
ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số QĐ, ngày
1	Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020	712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010
2	Quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000/2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước	144/2006/QĐ-TTg ngày 20/06/2006 và 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/09/2009
3	Đề án hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Đề án TBT giai đoạn 2011-2015)	682/QĐ-TTg ngày 10/5/2011
4	Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015	1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010
5	Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015	2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010
6	Chương trình phát triển sản phẩm Quốc gia đến năm 2020	2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
7	Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020	2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
8	Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến năm 2020	677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011
9	Đề án Hội nhập Quốc tế về khoa học và công nghệ	735/QĐ-TTg ngày 22/5/2011
10	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012
11	Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020	1075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013

Lưu ý: Thông tin chi tiết về các Chương trình xem trên website của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN.

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THỦ
TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO BỘ, NGÀNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số Quyết định
I	Bộ Công thương	
1	Hệ thống các Đề án, dự án để thực hiện nhiệm vụ: “Phát triển ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong công nghiệp”	01/2006/QĐ-TTg ngày 03/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020	14/2007/QĐ-TTg ngày 25/01/2007
3	Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hoá được đến năm 2020	61/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007
4	Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007
5	Đổi mới và hiện đại hoá công nghiệp trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008
6	Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	1030/QĐ-TTg ngày 20/7/2009
II	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020	11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực Thủy sản	97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007
3	Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015	27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012
III	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	2630/QĐ-BKHCN ngày 29/8/2011

IV	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên (Chương trình Tây Nguyên 3)	2632/QĐ-BKHCHN ngày 29/8/2011
2	Chương trình khoa học và công nghệ độc lập cấp nhà nước về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2012-2015	2312/QĐ-KHCHN ngày 29/8/2012
V	Đại học Quốc gia Hà Nội	
	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc	1746/QĐ-BKHCHN ngày 28/6/2013
VI	Viện Hàn lâm Khoa học và xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	
	Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030	CV số 5798/VPCP-KGVX ngày 17/7/2013

Số: 2483 /QĐ-KHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia được ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được ban hành theo Quyết định số 1895/QĐ-KHCN ngày 24/6/2010 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Hướng dẫn Xây dựng và Phát triển các Chương trình nghiên cứu trọng điểm và Nhóm nghiên cứu mạnh ở ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 1409/QĐ-KHCN ngày 08/5/2013 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng liên ngành các Khoa học Lịch sử;
Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN mã số QGCT.14.01 “Nghiên cứu định vị và phát triển khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam” (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Khoa học Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. / *28/6/2013*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KHCN, N8.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức

Phụ lục

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐHQGHN MÃ SỐ QGCT.14.01

“Nghiên cứu định vị và phát triển khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam”

(Kèm theo Quyết định số 2183/QĐ-KHCN, ngày 28 tháng 6 năm 2013

của Giám đốc ĐHQGHN)

1. Mục tiêu

1.1. Cung cấp cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

1.2. Xác định thực trạng và định vị khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

1.3. Đề xuất giải pháp phát triển khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam làm nền tảng và động lực phát triển đất nước.

1.4. Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

2. Nội dung

2.1. Các vấn đề lý luận về khoa học xã hội và nhân văn và kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận đối với việc triển khoa học xã hội và nhân văn.
- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong việc phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

2.2. Thực trạng và định vị khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam hiện nay

- Nghiên cứu thực trạng hệ thống khoa học xã hội và nhân văn hiện nay.
- Nghiên cứu thực trạng thể chế, chính sách về khoa học xã hội và nhân văn.
- Làm rõ những đóng góp của khoa học xã hội và nhân văn đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
- Phân tích nguyên nhân của những bất cập của khoa học xã hội và nhân văn hiện nay.

2.3. Giải pháp phát triển khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam

- Nhóm giải pháp về chủ trương chính sách, vai trò của cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
- Nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo khoa học xã hội và nhân văn.
- Nhóm giải pháp đầu tư đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy khoa học xã hội và nhân văn chất lượng cao.
- Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

- Nhóm giải pháp tăng cường liên kết giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực khoa học xã hội và nhân văn.

- Nhóm giải pháp đầu tư tài chính, cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở hạ tầng và hệ thống thư viện, thông tin, học liệu phục vụ nghiên cứu, đào tạo trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

2.4. Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh về khoa học xã hội và nhân văn tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xây dựng và phát triển các hướng nghiên cứu liên ngành ưu tiên trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu thực tiễn Việt Nam và hội nhập với sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn trên thế giới.

3. Dự kiến sản phẩm chính

3.1. Hệ cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Hệ cơ sở lý luận phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Các kinh nghiệm quốc tế trong phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

3.2. Bộ cơ sở dữ liệu về thực trạng, tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam hiện nay

- Cơ sở dữ liệu về hệ thống khoa học xã hội và nhân văn hiện nay.

- Cơ sở dữ liệu về thể chế, chính sách đối với khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam.

- Báo cáo đánh giá những đóng góp của khoa học xã hội và nhân văn đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

- Báo cáo phân tích nguyên nhân của những bất cập của khoa học xã hội và nhân văn hiện nay.

3.3. Các nhóm giải pháp phát triển khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam

- Nhóm giải pháp về chủ trương chính sách.

- Nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhóm giải pháp đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy.

- Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu.

- Nhóm giải pháp tăng cường liên kết giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

- Nhóm giải pháp đầu tư tài chính, cơ sở vật chất.

3.4. Sản phẩm đào tạo và xây dựng tiềm lực

Các nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn hàng đầu quốc gia, có năng lực nghiên cứu tương đương các nhóm nghiên cứu ở các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Số: 849 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm
của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Hướng dẫn quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được ban hành theo Quyết định số 1895/QĐ-KHCN ngày 24/6/2010 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Hướng dẫn Xây dựng và Phát triển các Chương trình nghiên cứu trọng điểm và Nhóm nghiên cứu mạnh ở ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 1409/QĐ-KHCN ngày 08/5/2013 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 2159^a/QĐ-KHCN ngày 25/6/2013 của Giám đốc ĐHQGHN về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN mã số QGCT.14.02 “Nghiên cứu khoa học tính toán tin – sinh – dược” (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2159^a/QĐ-KHCN ngày 25/6/2013 của Giám đốc ĐHQGHN về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Khoa học Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN, P8.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức

Phụ lục

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐHQGHN MÃ SỐ QGCT.14.02

“ Nghiên cứu khoa học tính toán tin – sinh – dược”

(Kèm theo Quyết định số 849 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 18 tháng 3 năm 2014
của Giám đốc ĐHQGHN)

1. Mục tiêu

1.1. Xây dựng các phương pháp, công cụ và hệ thống tính toán; cơ sở dữ liệu sinh – y – dược phục vụ mục đích nghiên cứu và phát triển các sản phẩm trong sinh học và y – dược.

1.2. Giải quyết một số bài toán cụ thể, phát triển một số sản phẩm nền tảng và quan trọng trong sinh học và y – dược nhằm đẩy nhanh sự phát triển nền kinh tế xã hội và nâng cao chất lượng sống, sức khỏe của người dân.

1.3. Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh lĩnh vực khoa học tính toán nói chung và tính toán tin – sinh – dược nói riêng.

2. Nội dung

1.1. Xây dựng và phát triển các phương pháp tính toán và cơ sở dữ liệu sinh – dược

- Nghiên cứu tổng thể hệ thống tính toán phục vụ giải quyết các bài toán sinh dược học có kích thước lớn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu sinh – y – dược phục vụ mục đích nghiên cứu và phát triển các sản phẩm trong sinh học và y – dược.

- Nghiên cứu và xây dựng các phương pháp và chương trình phần mềm hoàn chỉnh để tính toán và phân tích các hệ gen, các chương trình có khả năng làm việc với các hệ gen có kích thước lớn.

- Tiếp nhận chuyển giao quốc tế và xây dựng cơ sở dữ liệu hệ gen người Việt được công bố bởi dự án quốc tế “1000 Hệ Gen Người”.

1.2. Giải quyết một số bài toán ứng dụng cụ thể

- Nghiên cứu phân tích các gen của các cây lương thực và dược liệu quý ở Việt Nam.

- Nghiên cứu xây dựng và phân tích hệ gen người Việt từ dữ liệu được công bố bởi dự án quốc tế “1000 Hệ Gen Người” và các dự án liên quan đến hệ gen người Việt Nam.

- Nghiên cứu mô phỏng một số sản phẩm sinh học và y – dược, phục vụ việc phát triển một số dược phẩm mới.

- Tính toán, mô phỏng bài toán bảo tồn đa dạng sinh học cho một số vùng, địa phương.

- Nghiên cứu nhận diện và dự đoán cấu trúc protein.

1.3. Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh lĩnh vực khoa học tính toán nói chung và tính toán tin – sinh – dược nói riêng.

- Xây dựng PTN và nhóm nghiên cứu mạnh về tin – sinh – dược tại Trường Đại học Công nghệ và Viện Công nghệ Thông tin.

- Phát triển hướng nghiên cứu nhận diện, dự đoán và phân tích tương quan cấu trúc-chức năng của protein, enzyme ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và Khoa Y dược.

- Phát triển nhóm nghiên cứu tính toán tin – dược ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

- Phát triển nhóm nghiên cứu phát triển thuốc tại Khoa Y Dược.

3. Dự kiến sản phẩm chính

3.1. Các phương pháp tính toán và cơ sở dữ liệu

- Cơ sở dữ liệu gen – sinh – dược phục vụ việc nghiên cứu cũng như phát triển các sản phẩm ứng dụng trong sinh học và y – dược.

- Các phương pháp và chương trình phần mềm hoàn chỉnh để tính toán và phân tích hệ gen. Các chương trình có khả năng làm việc với các hệ gen có kích thước lớn, phức tạp như hệ gen người.

3.2. Các sản phẩm ứng dụng

- Trình tự gen, cách định danh nguồn gen và các giải pháp bảo tồn các loài cây lương thực, dược liệu quan trọng ở Việt Nam.

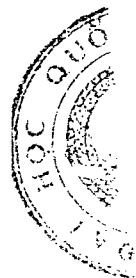
- Cơ sở dữ liệu hệ gen hoàn chỉnh của người Việt Nam (xây dựng từ dữ liệu 100 hệ gen người Việt được công bố bởi dự án quốc tế “1000 Hệ Gen Người” và các dự án liên quan đến hệ gen người Việt Nam).

- Thành phần và quy trình sản xuất một số dược phẩm cũng như các sản phẩm hoàn chỉnh có thể chuyển giao trong lĩnh vực sinh học và y – dược.

- Sản phẩm ứng dụng trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học nhằm thống kê, mô tả sự phân bố, trạng thái và quy mô, sự phát sinh chủng loài ở Việt Nam.

3.3. Sản phẩm đào tạo và xây dựng tiềm lực

Nhóm nghiên cứu tin – sinh – y – dược hàng đầu Việt Nam nhằm phát triển các sản phẩm khoa học, công nghệ nền tảng và quan trọng trong sinh học và y – dược.



Số: 848/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Hướng dẫn quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được ban hành theo Quyết định số 1895/QĐ-KHCN ngày 24/6/2010 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Hướng dẫn Xây dựng và Phát triển các Chương trình nghiên cứu trọng điểm và Nhóm nghiên cứu mạnh ở ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 1409/QĐ-KHCN ngày 08/5/2013 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 2158^a/QĐ-KHCN ngày 25/6/2013 của Giám đốc ĐHQGHN về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN mã số QGCT.14.03 “*Tích hợp và phát triển bền vững các nguồn năng lượng tái tạo*” (Phụ lục kèm theo).

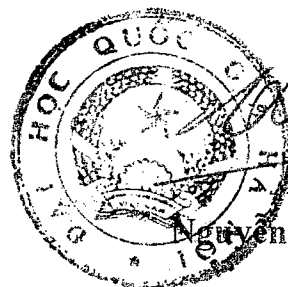
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2158^a/QĐ-KHCN ngày 25/6/2013 của Giám đốc ĐHQGHN về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Khoa học Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN, P8.



Nguyễn Hữu Đức

Phụ lục

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐHQGHN MÃ SỐ QGCT.14.03

“Tích hợp và phát triển bền vững các nguồn năng lượng tái tạo”

(Kèm theo Quyết định số 848/QĐ-ĐHQGHN, ngày 18 tháng 3 năm 2014
của Giám đốc ĐHQGHN)

1. Mục tiêu

1.1. Tiếp thu, làm chủ và áp dụng một số công nghệ khả thi để triển khai các ứng dụng cụ thể sử dụng các nguồn năng lượng sinh học, năng lượng mặt trời, năng lượng địa nhiệt và năng lượng gió phục vụ cuộc sống.

1.2. Nghiên cứu phát triển các công nghệ mới sản xuất các nguồn năng lượng tái tạo tương lai ở Việt Nam.

1.3. Chuyển giao một số dự án sản xuất năng lượng tái tạo cho địa phương, doanh nghiệp.

1.4. Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh về năng lượng tái tạo, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

2. Nội dung chương trình

2.1. Nghiên cứu và áp dụng một số công nghệ khả thi để triển khai sử dụng các nguồn năng lượng nguồn năng lượng tái tạo

- Nghiên cứu công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học từ dầu mỡ phế thải và thực vật có dầu.

- Nghiên cứu chế tạo các tấm pin mặt trời bằng công nghệ plasma ở áp suất khí quyển.

2.2. Nghiên cứu các công nghệ mới phát triển các nguồn năng lượng tái tạo

- Nghiên cứu công nghệ sản xuất xúc tác chế biến dầu mỏ và nhiên liệu sinh học bằng vật liệu mao quản trung bình.

- Nghiên cứu công nghệ sản xuất pin mặt trời bằng vật liệu mao quản trung bình thay thế silic.

- Nghiên cứu quy trình công nghệ và sơ đồ kỹ thuật cho khai thác phát điện ở quy mô phòng thí nghiệm và quy mô pilot sử dụng năng lượng địa nhiệt.

- Nghiên cứu quy trình công nghệ tách hydro từ nước biển.

- Nghiên cứu, chế tạo thử nghiệm các hệ thống lưu trữ và chuyển đổi năng lượng sử dụng vật liệu có cấu trúc nano.

- Nghiên cứu máy phát điện sức gió xách tay sử dụng cho canô, tàu thủy.

2.3. Nghiên cứu chuyển giao một số dự án sản xuất năng lượng tái tạo

- Chuyển giao dự án sản xuất nhiên liệu sinh học từ dầu mỡ phế thải cho địa phương.
- Chuyển giao dự án trồng các loài cây có dầu trên các vùng đất hoang hóa và đất ô nhiễm và công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học.
- Chuyển giao công nghệ và thiết bị sản xuất pin mặt trời và pin nhiên liệu quy mô pilot.
- Triển khai xây dựng pilot khai thác sản xuất năng lượng địa nhiệt quy mô thí nghiệm với công suất 2,5 – 5 kW.

2.4. Đào tạo nhân lực và xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh

- Xây dựng 3 nhóm nghiên cứu mạnh có trình độ và năng lực nghiên cứu cấp khu vực, đảm bảo cho việc triển khai nghiên cứu thành công, bền vững và hiệu quả các hướng nghiên cứu trọng tâm của chương trình ở giai đoạn tiếp theo, tiến tới xây dựng PTN trọng điểm hoặc Trung tâm xuất sắc năng lượng.
- Tổ chức đào tạo ngắn hạn cán bộ quản lý và triển khai các dự án phát triển năng lượng theo nhu cầu địa phương và doanh nghiệp.
- Phát triển và tổ chức đào tạo chương trình đào tạo ngành/chuyên ngành về năng lượng ở tất cả các bậc học.

3. Sản phẩm chủ yếu của Chương trình

3.1. Quy trình công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học

- Quy trình công nghệ sạch, đồng dung môi, 1 giai đoạn và 2 giai đoạn, hiệu quả và tính cạnh tranh cao, ít chất thải, ít độc tố để sản xuất diesel sinh học quy mô công nghiệp ~ 10 tấn/ngày, đạt TCVN 7867 – 2008 và tiêu chuẩn Mỹ ASTM D6751.
- Quy trình công nghệ chế tạo phụ gia hạ nhiệt độ đông đặc của Biodiesel xuống dưới 0°C với hàm lượng khoảng 300 ppm, quy mô 50 kg/mẻ.
- Quy trình kỹ thuật pha chế, bảo quản và bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng nhiên liệu Biodiesel B5, B10, B20, B100.

3.2. Quy trình công nghệ sản xuất năng lượng mặt trời

- Công nghệ sản xuất pin mặt trời trong môi trường plasma ở áp suất khí quyển.
- Vật liệu mới mao quản trung bình thay thế silic để sản xuất pin mặt trời.

3.3. Quy trình công nghệ sản xuất năng lượng địa nhiệt

- Mô hình, sơ đồ công nghệ và sơ đồ kỹ thuật các trạm năng lượng địa nhiệt quy mô phòng thí nghiệm và quy mô pilot.
- Pilot khai thác sản xuất năng lượng địa nhiệt quy mô thí nghiệm 2,5 – 5 kW và quy mô trên 5 KW.
- Bản đồ cấu trúc bồn nhiệt tỷ lệ 1/500 khu vực Quang Hanh (Quảng Ninh), Uva (Điện Biên), Bang (Quảng Bình).

3.4. Đào tạo và xây dựng nhóm nghiên cứu

- Quy trình triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực nhân lực của Chương trình.

- 03 nhóm nghiên cứu mạnh.

- 03 chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ.

11/2011

Số: 2497/QĐ-KHCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia được ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được ban hành theo Quyết định số 1895/QĐ-KHCN ngày 24/6/2010 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Hướng dẫn Xây dựng và Phát triển các Chương trình nghiên cứu trọng điểm và Nhóm nghiên cứu mạnh ở ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 1409/QĐ-KHCN ngày 08/5/2013 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng ngành Kinh tế học;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN mã số QGCT.14.04 "Kinh tế học vĩ mô và chính sách kinh tế vĩ mô trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam" (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Khoa học Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KHCN, T8.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức

Phụ lục

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA KHUNG CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐHQGHN MÃ SỐ QGCT.14.04

“Kinh tế học vĩ mô và chính sách kinh tế vĩ mô trong điều kiện hội nhập quốc tế
của Việt Nam”

(Kèm theo Quyết định số 2478/QĐ-KHCN, ngày 29 tháng 8 năm 2013
của Giám đốc ĐHQGHN)

1. Mục tiêu

1.1. Hệ thống hóa, giới thiệu và phát triển các lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế vĩ mô hiện đại trong điều kiện Việt Nam.

1.2. Làm rõ các vấn đề kinh tế vĩ mô căn bản của Việt Nam, những rủi ro và thách thức trong ngắn hạn và dài hạn của nền kinh tế trong điều kiện cụ thể, gắn liền với nhu cầu tăng trưởng nhanh, ổn định vĩ mô và hội nhập quốc tế sâu rộng.

1.3. Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để hoàn thiện cơ chế điều hành chính sách vĩ mô, giải pháp công cụ và nội dung chính sách điều hành kinh tế vĩ mô trong điều kiện nền kinh tế mở của Việt Nam.

1.4. Xây dựng nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, mạng lưới nghiên cứu kinh tế vĩ mô hiện đại trong điều kiện đặc thù Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nghiên cứu các lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế vĩ mô hiện đại trong điều kiện Việt Nam.

2.2. Nghiên cứu các vấn đề kinh tế vĩ mô hiện đại của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế gắn liền với sự thay đổi cơ cấu kinh tế.

2.3. Nghiên cứu cơ chế điều hành chính sách vĩ mô, giải pháp công cụ và nội dung chính sách điều hành kinh tế vĩ mô trong điều kiện nền kinh tế mở của Việt Nam.

2.4. Đào tạo nghiên cứu sinh, thạc sĩ và các chuyên gia, xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, hình thành mạng lưới nghiên cứu kinh tế vĩ mô hiện đại.

3. Sản phẩm chính

3.1. Sản phẩm công bố khoa học

- Bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, đặc biệt là các ấn phẩm nằm trong danh mục ISI, SCI, Scopus.

- Các báo cáo khoa học chuyên đề.

- Hệ thống sách chuyên khảo.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia được ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được ban hành theo Quyết định số 1895/QĐ-KHCN ngày 24/6/2010 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Hướng dẫn Xây dựng và Phát triển các Chương trình nghiên cứu trọng điểm và Nhóm nghiên cứu mạnh ở ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 1409/QĐ-KHCN ngày 08/5/2013 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng liên ngành Vật lý - Điện tử - Viễn thông;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học Công nghệ,

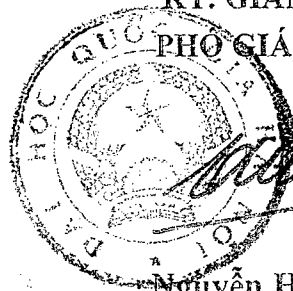
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của khung Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN mã số QGCT.14.05 "Nghiên cứu và chế tạo các linh kiện micro-nano và mạch tích hợp ứng dụng trong các hệ thống đo lường, điều khiển, viễn thông và y tế" (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Khoa học Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KHCN, T8.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Đức

Phụ lục

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM CẤP ĐHQGHN MÃ SỐ QGCT.14.05

“Nghiên cứu và chế tạo các linh kiện micro-nano và mạch tích hợp ứng dụng
trong các hệ thống đo lường, điều khiển, viễn thông và y tế”

(Kèm theo Quyết định số 2444 /QĐ-KHCN, ngày 27 tháng 6 năm 2013
của Giám đốc ĐHQGHN)

1. Mục tiêu

1.1. Tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện cảm biến kích thước micro-nano (chip cảm biến) và mạch tích hợp trên chip (chip điện tử); thiết kế kết hợp các chip cảm biến và chip điện tử trên cùng hệ thống.

1.2. Triển khai một số công nghệ; thiết kế, chế tạo một số linh kiện chuyên dụng hướng đến các sản phẩm ứng dụng và sản phẩm quốc gia trong các lĩnh vực mạch tích hợp và thiết bị an ninh - quốc phòng.

1.3. Tích hợp các linh kiện chuyên dụng với việc chế tạo một số thiết bị hoàn chỉnh ứng dụng hiệu quả trong các hệ thống đo lường, điều khiển, viễn thông, y tế và an ninh - quốc phòng.

1.4. Đào tạo nguồn nhân lực phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ trọng điểm, xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh về linh kiện tích hợp.

2. Nội dung

2.1. Nghiên cứu làm chủ và phát triển công nghệ thiết kế, chế tạo chip cảm biến và chip điện tử; thiết kế kết hợp các chip cảm biến và chip điện tử trên cùng hệ thống.

- Nghiên cứu các cấu hình vật liệu điện tử và kỹ nghệ tiểu hình hóa để chế tạo các linh kiện cảm biến kích thước micro-nano.

- Nghiên cứu và chế tạo các mạch tích hợp chuyên dụng, phát triển nền tảng hệ thống trên chip dựa trên mô hình mạng trên chip (Network-on-Chip).

- Nghiên cứu các hệ thống có độ tích hợp cao, kết hợp phần số, tương tự và phần cảm biến.

2.2. Thiết kế, chế tạo một số linh kiện chuyên dụng

- Nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi chế tạo các linh kiện micro-nano xác định góc tâm, góc hướng dựa trên nguyên lý la bàn điện tử, la bàn hồi chuyển ứng dụng hệ thống đo lường, điều khiển và viễn thông.

- Nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi chế tạo các linh kiện micro-nano ứng dụng trong y tế.

- Nghiên cứu và chế tạo các mạch tích hợp chuyên dụng dùng trong các thiết bị/hệ thống ứng dụng trong điều khiển, giám sát, truyền thông, mã hoá video.

- Nghiên cứu và phát triển các hệ thống camera không dây, bảo mật và mã hóa video phục vụ an ninh, quốc phòng.

- Nghiên cứu và phát triển các hệ thống mạng cảm biến không dây, ứng dụng giám sát môi trường.

1.3. Nghiên cứu tích hợp các linh kiện chuyên dụng với việc chế tạo một số thiết bị hoàn chỉnh

- Tích hợp cảm biến chỉ thị góc tâm, góc hướng vào trạm thu thu tín hiệu vệ tinh và viễn thám di động với cấu hình mở; các thiết bị điều khiển chuyên động máy bay, tên lửa, tàu thuyền.

- Tích hợp cảm biến vào các thiết bị phát hiện các phần tử sinh học, thiết bị chẩn đoán nhanh, phát hiện sớm; các bộ kit chẩn đoán sử dụng hạt nano.

- Tích hợp cảm biến và mạch tích hợp cảnh báo, điều khiển vào các toà nhà thông minh.

- Tích hợp vi mạch tích hợp cỡ lớn (VLSI) phục vụ cho các ứng dụng trong điều khiển, giám sát, truyền thông, mã hoá video; hướng tới các ứng dụng trong công nghệ vũ trụ, giám sát hiện trường.

1.4. Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh về linh kiện tích hợp làm cơ sở để tổ chức đào tạo nguồn nhân lực và phối hợp triển khai các dự án phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ trọng điểm với địa phương và doanh nghiệp

- Xây dựng trung tâm đào tạo cán bộ công nghệ trình độ cao thiết kế và phát triển ứng dụng các chip chuyên dụng theo nhu cầu địa phương và doanh nghiệp.

- Đào tạo sau đại học về vật liệu và linh kiện nano, kỹ thuật điện tử viễn thông.

- Xây dựng 3 nhóm nghiên cứu mạnh có trình độ và năng lực nghiên cứu cấp khu vực, đảm bảo cho việc triển khai nghiên cứu thành công và hiệu quả các hướng nghiên cứu trọng tâm của chương trình ở giai đoạn tiếp theo, tiến tới xây dựng PTN trọng điểm hoặc Trung tâm xuất sắc về linh kiện tích hợp.

3. Dự kiến sản phẩm chính

- Các chip la bàn điện tử và la bàn hồi chuyên.

- Các chip sinh học và các bộ kit chẩn đoán sử dụng hạt nano.

- Vi mạch tích hợp chuyên dụng ứng dụng trong các camera giám sát giao thông, ngân hàng.

- Trạm thu thông tin vệ tinh (cố định và di động trên tàu biển).

- Nghiên cứu thiết kế chế tạo ra đa xấp tay băng tần L phục vụ giám sát hiện trường thời gian thực.

- Hệ thống cảnh báo trong toà nhà thông minh.

- Các vi mạch tích hợp chuyên dụng cỡ lớn (VLSI) phục vụ cho các ứng dụng trong điều khiển, giám sát, truyền thông, mã hoá video; hướng tới các ứng dụng trong công nghệ vũ trụ, giám sát hiện trường.

- Hệ thống camera không dây, bảo mật và mã hóa video phục vụ an ninh, quốc phòng.

- Hệ thống mạng cảm biến không dây, ứng dụng giám sát môi trường. Các hệ thống mạng cảm biến không dây, ứng dụng giám sát môi trường.

- Các vi mạch ứng dụng trong các lĩnh vực công nghệ vũ trụ, giám sát hiện trường.

- Chíp siêu cao tần cho hệ thống thu thông tin vệ tinh trạm mặt đất và đặt trên vệ tinh và ra đa.

- Các hệ thống tích hợp đồng bộ (gồm các cảm biến, vi mạch điện tử, các mạch thu phát đầu cuối) phục vụ trong truyền thông vệ tinh, y-sinh học, giám sát môi trường.

